UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46 /KH-SNV

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 5 năm 2021

KẾ HOẠCH
CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH NỘI VỤ GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Kế hoạch số 2429/KH-UBND ngày 29/03/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh V/v ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk, phiên bản 2.0;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người đứng đầu Sở, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và toàn thể công chức, viên chức, người lao động ngành nội vụ trong phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và chuyển đổi số.

Xây dựng cơ sở dữ liệu toàn diện, hoàn chỉnh về ngành nội vụ trên địa bàn tỉnh; thực hiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu của ngành nội vụ với các các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác, hình thành nền tảng dùng chung theo chiều dọc từ cấp tỉnh đến xã, và theo chiều ngang giữa các sở, ban, ngành; đảm bảo mục tiêu phát triển ngành nội vụ bền vững.

Đổi mới phương thức làm việc, lấy sự hài lòng của cá nhân, tổ chức là thước đo cho quá trình chuyển đổi số; ứng dụng dữ liệu và công nghệ số vào hoạt động thực thi công vụ để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Quá trình chuyển đổi số cần đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, an ninh

quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- 100% dịch vụ công trực tuyến của Sở Nội vụ được thực hiện ở mức độ 3; 80% dịch vụ công trực tuyến của Sở Nội vụ thực hiện ở mức độ 4.

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trực tuyến.

- 100% báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành nội vụ bao gồm các cơ sở dữ liệu cấu thành: (1) Cơ sở dữ liệu về công chức, viên chức; (2) Cơ sở dữ liệu về tổ chức công; (3) Cơ sở dữ liệu về biên chế; (4) Cơ sở dữ liệu về giải quyết khiếu nại, tố cáo; (5) cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính; (6) Cơ sở dữ liệu về tôn giáo; (7) Cơ sở dữ liệu về thanh tra; (8) Cơ sở dữ liệu về thi đua – khen thưởng; (9) Cơ sở dữ liệu về tài liệu số hóa; (10) Cơ sở dữ liệu cải cách hành chính.

- Xây dựng hệ sinh thái số ngành nội vụ (liên kết các cơ sở dữ liệu bằng hệ thống thống nhất), đảm bảo các cơ sở dữ liệu chính xác, đồng bộ bao gồm các nội dung: Quản lý công chức, viên chức (Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, miễn nhiệm, đánh giá, thôi việc, nghỉ hưu); Quản lý biên chế; Quản lý địa giới hành chính; Quản lý cải cách hành chính; Quản lý thi đua – khen thưởng; Quản lý tôn giáo; Quản lý văn thư - lưu trữ.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy chế thu thập, cập nhật, sử dụng, chia sẻ hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nội vụ.

- Chuẩn hóa quy trình hoạt động quản trị nội bộ của Sở Nội vụ trên môi trường mạng, bao gồm: Quản lý công chức, viên chức của sở; Quản trị công sở; Đánh giá hiệu quả thực thi công vụ của tập thể, cá nhân; Hội nghị, họp trực tuyến.

- Thử nghiệm mô hình làm việc từ xa cho công chức, viên chức với thời gian từ 1-2 tháng/năm/người.

- Áp dụng hiệu quả hệ thống hội nghị trực tuyến.

3. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

Hoàn thiện mô hình công sở số, phần lớn các hoạt động thực thi công vụ được thực hiện trên môi trường mạng.

Liên tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nội vụ cả về quy mô và mức độ chi tiết của dữ liệu. Đảm bảo đến năm 2030 thay thế hoàn toàn việc thu thập, rà soát, cập nhật và sử dụng dữ liệu thủ công.

Hoàn thiện hệ sinh thái số ngành nội vụ, kết nối hiệu quả với chính quyền số của tỉnh; đảm bảo dữ liệu được chia sẻ thông suốt theo cả chiều dọc và chiều ngang.

Đáp ứng nhu cầu tiếp cận, sử dụng dịch vụ công và dữ liệu ngành nội vụ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo đúng quy định của pháp luật.

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ chung

a) Chuyển đổi nhận thức

Chuyển đổi nhận về sự cần thiết, tính cấp bách của chuyển đổi số trong hoạt động thực thi công vụ tại Sở Nội vụ và của ngành Nội vụ, lan truyền từ cá nhân, từ nhóm tiên phong tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động, cụ thể:

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực mình phụ trách; thúc đẩy phát triển công nghệ, sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm các nội dung mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững.

- Người đứng đầu tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, người lao động về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số.

b) Xây dựng hệ thống quy phạm

Xây dựng hệ thống quy phạm cho chuyển đổi số ngành nội vụ theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình chính quyền số mới, bao gồm:

- Chấp nhận thử nghiệm sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình chính quyền số trong khi quy định pháp lý chưa đầy đủ, rõ ràng, song song với việc hoàn thiện các quy phạm hướng dẫn.

- Ban hành hướng dẫn, quy chế về việc thu thập, tạo lập, sử dụng, bảo vệ cơ sở dữ liệu ngành nội vụ.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nội vụ để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

c) Phát triển hạ tầng số

Phát triển cơ sở hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối

và xử lý dữ liệu và bảo đảm an toàn, an ninh mạng được tích hợp sẵn ngay từ khi thiết kế, xây dựng, bao gồm:

- Xây dựng, nâng cấp, duy trì hệ thống đường truyền internet băng thông rộng và hệ thống mạng truyền tải dữ liệu nội bộ, chuyên ngành. Nâng cao năng lực, chất lượng mạng internet không dây trong phạm vi công sở cả về chất lượng và quy mô, đảm bảo đáp ứng nhu cầu truy cập internet không dây tăng nhanh khi thực hiện chuyển đổi số.

- Nâng cấp hệ thống máy vi tính, máy móc thiết bị điện tử phục vụ hoạt động thực thi công vụ; bước đầu áp dụng mô hình internet vạn vật (IoT) trong quản trị công sở.

d) Phát triển nền tảng số

Phát triển nền tảng số mang tính thúc đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số diễn ra một cách tự nhiên, khai mở giá trị mới, mang lại lợi ích rõ ràng cho hoạt động thực thi công vụ và quản lý ngành, trong đó tập trung phát triển các nền tảng số sau:

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nội vụ trên phạm vi toàn tỉnh, kết nối với cơ sở dữ liệu ngành nội vụ của trung ương và kết nối cơ sở dữ liệu chính quyền số tại các cấp tỉnh, huyện, xã. Đảm bảo cơ sở dữ liệu luôn được cập nhật, đầy đủ, chính xác theo đúng thực tế.

- Áp dụng công nghệ điện toán đám mây (iCloud) vào việc lưu trữ, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của ngành nội vụ trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng hệ sinh thái số ngành nội vụ với phần mềm dùng chung thống nhất cho tất cả các lĩnh vực quản lý ngành, đồng thời có khả năng kết nối và chia sẻ với nền tảng của ngành khác, địa phương khác.

- Hoàn thiện hệ thống định danh cho từng cơ quan, đơn vị và từng cá nhân công chức, viên chức, người lao động; kế thừa những hệ thống, nền tảng sẵn có để phục vụ giao dịch điện tử giữa cá nhân, tổ chức với Sở Nội vụ một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi.

- Tiến hành chuyển đổi số trong hoạt động quản trị nội bộ tại Sở Nội vụ.

đ) Tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng

Tạo lập niềm tin vào tiến trình chuyển đổi số, hoạt động trên môi trường số thông qua việc hình thành văn hóa số, bảo vệ các giá trị đạo đức căn bản và bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân bao gồm:

- Xây dựng cơ chế hợp tác, đối thoại để giải quyết các vấn đề phát sinh

trong quá trình chuyển đổi số ngành nội vụ

- Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng trong quá trình chuyển đổi số.

2. Nhiệm vụ cụ thể

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
I	**Chuyển đổi nhận thức**				
1	Phân công nhiệm vụ, theo dõi giám sát vai trò của người đứng đầu trong chuyển đổi số	2021-2025	Giám đốc Sở	Văn phòng	
2	Đánh giá kết quả quá trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị	Hàng năm	Văn phòng	CQĐV T&TT	
3	Tuyên truyền về sự cần thiết, cấp bách của chuyển đổi số	8/2021	CQĐV T&TT	Toàn thể CCVCNLĐ	
II	**Kiến tạo hướng dẫn quy phạm**				
1	Tham mưu UBND tỉnh ban hành quy chế thu thập, sử dụng, chia sẻ, bảo vệ CSDL ngành nội vụ	2022	CQĐV T&TT	Văn phòng	
2	Rà soát, đề xuất sửa đổi các VBQPPL hiện hành để đảm bảo phù hợp với quá trình chuyển đổi số	Thường xuyên	CQĐV T&TT	Văn phòng	
3	Hướng dẫn chuyên môn trong quá trình sử dụng các phần mềm quản lý ngành nội vụ	Thường xuyên	CQĐV T&TT	Văn phòng	
III	**Phát triển hạ tầng số**				
1	Nâng cấp hệ thống đường truyền internet băng thông rộng	2022	Văn phòng	CQĐV T&TT	
2	Sử dụng, duy trì hệ thống đường truyền internet chuyên ngành	2022	Văn phòng	CQĐV T&TT	
3	Xây dựng lại hệ thống mạng nội bộ	2022	Văn phòng	CQĐV T&TT	
4	Nâng cấp hệ thống mạng internet không dây	2022	Văn phòng	CQĐV T&TT	
5	Trang bị máy vi tính, máy in, máy scan và các thiết bị điện tử đáp ứng yêu cầu công sở số	Thường xuyên	Văn phòng	CQĐV T&TT	
IV	**Phát triển nền tảng số**				
1	Hoàn thiện dữ liệu ngành				
a	Hoàn thiện dữ liệu công chức cấp tỉnh, huyện	2022	Phòng CCVC	Văn phòng	

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
b	Hoàn thiện dữ liệu công chức cấp xã	2022	Phòng XDCQ	Văn phòng	
c	Hoàn thiện dữ liệu viên chức	2022	Phòng CCVC	Văn phòng	
d	Hoàn thiện dữ liệu tổ chức công	2022	Phòng TCBC	Văn phòng	
đ	Hoàn thiện dữ liệu biên chế	2022	Phòng TCBC	Văn phòng	
e	Hoàn thiện dữ liệu khiếu nại, tố cáo	2022	Thanh tra	Văn phòng	
g	Hoàn thiện dữ liệu địa giới hành chính	2022	Phòng XDCQ	Văn phòng	
h	Hoàn thiện dữ liệu tôn giáo	2022	Ban Tôn giáo	Văn phòng	
i	Hoàn thiện dữ liệu thanh tra	2022	Thanh tra	Văn phòng	
k	Hoàn thiện dữ liệu thi đua – khen thưởng	2022	Ban TĐKT	Văn phòng	
l	Hoàn thiện dữ liệu tài liệu số hóa	2022	Phòng CCHC& VTLT	Văn phòng	
m	Hoàn thiện dữ liệu cải cách hành chính	2022	Phòng CCHC& VTLT	Văn phòng	
2	Hoàn thiện hệ thống định danh cho cơ quan, đơn vị, CCVCNLĐ của Sở	2022	Văn phòng	CQĐV T&TT	
3	Áp dụng mô hình học trực tuyến vào hoạt động đạo tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của tỉnh	2022	Phòng CCVC, XDCQ	Văn phòng	
4	Xây dựng hệ sinh thái số ngành nội vụ	2023	Văn phòng	CQĐV T&TT	
5	Xây dựng phần mềm cập nhật thông tin cá nhân dành cho CCVC toàn tỉnh trên điện thoại thông minh	2023	Phòng CCVC	Văn phòng	
6	Xây dựng phần mềm đánh giá, xếp loại tổ chức công	2023	Phòng CCVC	Văn phòng	
7	Số hóa hồ sơ công chức, viên chức các cấp	2024	Phòng CCVC	Văn phòng	
8	Tiến hành thanh tra trực tuyến dựa vào cơ sở dữ liệu và thanh tra có chọn lọc theo quản trị rủi ro	2024	Thanh tra	CQĐV T&TT	

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
9	Chuyển đổi số trong hoạt động quản trị nội bộ của Sở				
a	Chuẩn hóa các quy trình nội bộ trên môi trường mạng	2021	Văn phòng	CQĐV T&TT	
b	Cấp mới chứng thư số, chữ ký số cho toàn bộ công chức	2021-2025	Văn phòng	CQĐV T&TT	
c	Đánh giá kết quả thực thi công vụ của công chức, viên chức bằng phần mềm	2022	Văn phòng	CQĐV T&TT	
d	Xây dựng hệ thống họp trực tuyến, có khả năng kết nối tới cấp xã	2022	Văn phòng	CQĐV T&TT	
đ	Số hóa hồ sơ công chức, viên chức Sở Nội vụ	2022	Văn phòng	CQĐV T&TT	
e	Thí điểm mô hình làm việc từ xa, mô hình làm việc tại nhà	2023	Văn phòng	CQĐV T&TT	
V	**Bảo đảm an toàn, an ninh mạng**				
1	Đầu tư hệ thống tường lửa, hệ thống cảnh báo sớm khi xảy ra sự cố	2023	Văn phòng	CQĐV T&TT	
2	Duy trì tỷ lệ 100% máy vi tính tại Sở được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc	Thường xuyên	Văn phòng	CQĐV T&TT	

V. Kinh phí

TT	Nội dung	Kinh phí dự kiến (Triệu đồng)				
		2021	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**
1	Mua sắm máy vi tính mới	310	200	200	200	200
2	Chi phí nâng cấp đường truyền internet, mạng không dây		100			
3	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành nội vụ		1.000	100	100	100
4	Xây dựng các phần mềm chuyên ngành		500	500	500	
5	Xây dựng các ứng dụng ngành nội vụ trên điện thoại thông minh				500	
6	Xây dựng hệ thống họp trực tuyến		100			
7	Xây dựng Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử	4.780				
8	Chi phí bảo trì, vận hành phần mềm quản lý tài liệu điện tử		50	50	50	50
	Tổng cộng	**5.090**	**1.950**	**850**	**1.350**	**350**

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc triển khai kế hoạch này; đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số gắn với chương trình cải cách hành chính, nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả các hoạt động quản lý nhà nước của Sở Nội vụ, hướng tới mục tiêu "Công sở số".

Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và đội ngũ công chức, viên chức, người lao động trong việc triển khai, thực hiện các nội dung của Kế hoạch này trong quá trình thực thi công vụ; động viên, khuyến khích công chức, viên chức, người lao động sáng tạo, có sáng kiến chuyển đổi số trong hoạt động thực thi công vụ.

Theo dõi, tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Sở kết quả hoạt động chuyển đổi số.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai, quán triệt, tổ chức thực hiện nội dung Kế hoạch này đến công chức, viên chức, người lao động.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vấn đề khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở phản ánh kịp thời về Văn phòng Sở để báo cáo Giám đốc Sở xem xét chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- GĐ và các PGĐ;
- Các CQĐV thuộc&trực thuộc;
- Lưu: VT, VP (h).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH ĐẮK LẮK

Bạch Văn Mạnh

DANH MỤC DỰ ÁN, KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ SỞ NỘI VỤ GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Loại dự án	Thời gian thực hiện	Dự toán kinh phí		Tổng kinh phí	Nguồn vốn
						Trung hạn	Khác		
1	Hoàn thiện dữ liệu ngành nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	Dự án mới	2022	1.000		1.000	Ngân sách
2	Xây dựng hệ thống họp trực tuyến	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	Dự án mới	2022	100		100	Ngân sách
3	Xây dựng hệ sinh thái số ngành nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	Dự án mới	2022 - 2024	1.500		1.500	Ngân sách
4	Xây dựng các ứng dụng trên điện thoại thông minh	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	Dự án mới	2023	500		500	Ngân sách
5	Xây dựng Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	Dự án chuyển tiếp	2020-2021	4.780		4.780	Ngân sách
6	Chi phí bảo trì, vận hành phần mềm quản lý tài liệu điện tử	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	Dự án chuyển tiếp	2022-2025	200		200	Ngân sách